

Số: /TM-BV

Hung Yên, ngày tháng 01 năm 2026

## THƯ MỜI CUNG CẤP THÔNG SỐ KỸ THUẬT VÀ BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Hiện nay, Bệnh viện Đa khoa Thái Bình đang có nhu cầu tiếp nhận thông tin để tham khảo, xây dựng cấu hình, yêu cầu tính năng, kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng và giá kế hoạch của các bộ dụng cụ phục vụ khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện năm 2026; Bệnh viện Đa khoa Thái Bình kính mời các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam quan tâm, cung cấp thông số kỹ thuật và báo giá các bộ dụng cụ với nội dung cụ thể như sau:

### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu:

1. Đơn vị yêu cầu: Bệnh viện Đa khoa Thái Bình

Địa chỉ: Số 530, đường Lý Bôn, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận:

CN. Phạm Thị Hà – Phòng Vật tư – Thiết bị y tế

Số điện thoại: 0963.355.618

3. Cách thức tiếp nhận Bảng Thông số kỹ thuật và báo giá:

- Nhận trực tiếp hoặc qua đường bưu điện theo địa chỉ: Bệnh viện Đa khoa Thái Bình, địa chỉ: Số 530, đường Lý Bôn, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên.

- File mềm: gửi vào email: [pvt.bvdkinhthaibinh@gmail.com](mailto:pvt.bvdkinhthaibinh@gmail.com).

4. Thời gian tiếp nhận Bảng Thông số kỹ thuật và báo giá: Từ 08/01/2026 đến hết ngày 19/01/2026

Các Bảng Thông số kỹ thuật và báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Hiệu lực của Bảng Thông số kỹ thuật và báo giá: tối thiểu 90 ngày kể từ

ngày 19/01/2026

**II. Nội dung vật tư, thiết bị y tế cần cung cấp thông số kỹ thuật và báo giá:**

1. Danh mục thiết bị y tế: Chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm.

2. Tài liệu gửi kèm:

- Báo giá
- Catalog, hình ảnh sản phẩm
- Tài liệu kỹ thuật
- Hồ sơ pháp lý

3. Địa điểm cung cấp:

Bệnh viện Đa khoa Thái Bình

Địa chỉ: Số 530 đường Lý Bôn, Phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, VTTBYT. *Pen*

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Lại Đức Trí**

**PHỤ LỤC 1. DANH MỤC VẬT TƯ, THIẾT BỊ Y TẾ**  
(Kèm theo Thư mời quan tâm số /TM-BV ngày /01/2026  
của Bệnh viện Đa khoa Thái Bình)

**I. DANH MỤC THIẾT BỊ**

STT	Danh mục thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Ghi chú
<b>I</b>	<b>KHOA CHẨN THƯƠNG CHỈNH HÌNH – BÔNG</b>			
1	Bộ dụng cụ phẫu thuật chi trên	Bộ	2	Chi tiết theo STT 01, phần II
2	Bộ dụng cụ phẫu thuật chi dưới	Bộ	2	Chi tiết theo STT 02, phần II
3	Bộ dụng cụ phẫu thuật vi phẫu bàn tay	Bộ	1	Chi tiết theo STT 03, phần II
4	Kìm cắt đinh 3.0	Bộ	1	Chi tiết theo STT 04, phần II
5	Bộ dụng cụ cố định và tháo đinh nẹp vít	Bộ	2	Chi tiết theo STT 05, phần II
<b>II</b>	<b>KHOA PHẪU THUẬT LỒNG NGỰC</b>			
6	Bộ phẫu thuật tim mạch lồng ngực ít xâm lấn	Bộ	1	Chi tiết theo STT 06, phần II
<b>III</b>	<b>RĂNG HÀM MẶT</b>			
7	Dụng cụ phẫu thuật vi phẫu	Bộ	1	Chi tiết theo STT 07, phần II
8	Dụng cụ phẫu thuật hàm mặt	Bộ	1	Chi tiết theo STT 08, phần II
<b>IV</b>	<b>NGOẠI TIẾT NIỆU</b>			
9	Bộ dụng cụ phẫu thuật đại phẫu	Bộ	2	Chi tiết theo STT 09, phần II
<b>V</b>	<b>NGOẠI TỔNG HỢP</b>			
10	Bộ dụng cụ nội soi ổ bụng (Tiêu hóa - gan mật)	Bộ	1	Chi tiết theo STT 10, phần II
11	Bộ dụng cụ nội soi ổ bụng (Tiêu hóa - gan mật)	Bộ	1	Chi tiết theo STT 11, phần II
12	Bộ dụng cụ nội soi ổ bụng (Tiêu hóa - gan mật)	Bộ	1	Chi tiết theo STT 12, phần II
13	Bộ dụng cụ đại phẫu ổ bụng (Tiêu hóa - gan mật)	Bộ	2	Chi tiết theo STT 13, phần II

STT	Danh mục thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Ghi chú
14	Bộ dụng cụ đại phẫu ổ bụng (Tiêu hóa - gan mật)	Bộ	2	Chi tiết theo STT 14, phần II
15	Bộ dụng cụ trung phẫu ổ bụng	Bộ	2	Chi tiết theo STT 15, phần II
16	Bộ dụng cụ trung phẫu ổ bụng	Bộ	2	Chi tiết theo STT 16, phần II
<b>VI</b>	<b>TRUNG TÂM UNG BƯỚU</b>			
17	Bộ dụng cụ phẫu thuật đầu mặt cổ	Bộ	4	Chi tiết theo STT 17, phần II
18	Bộ dụng cụ phẫu thuật gan mật tụy	Bộ	2	Chi tiết theo STT 18, phần II
19	Bộ dụng cụ phẫu thuật phụ khoa	Bộ	3	Chi tiết theo STT 19, phần II
20	Bộ dụng cụ phẫu thuật đại phẫu ống tiêu hóa chung	Bộ	3	Chi tiết theo STT 20, phần II
21	Bộ dụng cụ phẫu thuật lồng ngực	Bộ	2	Chi tiết theo STT 21, phần II
<b>VII</b>	<b>KHOA MẮT</b>			
22	Bộ dụng cụ phẫu thuật mắt	Bộ	1	Chi tiết theo STT 22, phần II

## II. CẤU HÌNH CUNG CẤP

### 1. Bộ dụng cụ phẫu thuật chi trên

TT	Tên chi tiết	Số lượng
1	Khay đựng hình quả thận	1
2	Cốc đựng dung dịch vừa	1
3	Cốc đựng dung dịch lớn	1
4	Cán dao mổ, số 7	1
5	Cán dao mổ, số 3	1
6	Kẹp sãng Backhaus	10
7	Kẹp gấp bông băng	2
8	Kẹp động mạch	10
9	Kẹp mạch máu	2
10	Kẹp cầm máu Kocher	2

<b>TT</b>	<b>Tên chi tiết</b>	<b>Số lượng</b>
11	Kẹp mạch máu Kocher	2
12	Nhíp phẫu tích	2
13	Kẹp phẫu tích	2
14	Nhíp mô	2
15	Nhíp mô	1
16	Nhíp phẫu tích	1
17	Nhíp phẫu tích	1
18	Kéo phẫu thuật	1
19	Kéo phẫu thuật Mayo	1
20	Kéo phẫu thuật Mayo	1
21	Kéo phẫu tích Metzenbaum	1
22	Kéo phẫu tích Metzenbaum	1
23	Kẹp mang kim	2
24	Kẹp mang kim	1
25	Kìm gấp/giữ chỉ thép	1
32	Banh tổ chức	1
33	Kìm cắt chỉ thép	1
34	Kìm xoắn chỉ thép	1
35	Banh phẫu thuật	2
36	Banh phẫu thuật	1
37	Banh phẫu thuật	1
38	Dụng cụ phẫu tích thần kinh	1
39	Banh phẫu thuật	1
40	Banh phẫu thuật	1
41	Ống hút dịch	1
42	Dụng cụ róc xương	1
43	Dụng cụ nạy xương	1
44	Thìa nạo xương	1
45	Thìa nạo xương	1
46	Kẹp giữ xương	2
47	Kẹp giữ xương	2
48	Cây luồn chỉ cho người thuận tay phải	1
49	Cây luồn chỉ cho người thuận tay trái	1
50	Dụng cụ róc xương	1
51	Hộp tiệt trùng và bảo quản dụng cụ loại có màng lọc	1

<b>TT</b>	<b>Tên chi tiết</b>	<b>Số lượng</b>
52	Mũi tạo ren	1
53	Mũi tạo ren	1
54	Mũi tạo ren	1
55	Dụng cụ khoan	1
56	Dụng cụ khoan lỗ rộng	1
57	Kẹp giữ vít	1
58	Tuốc nơ vít lục giác	1
59	Kẹp định vị	1
60	Kẹp định vị	1
61	Kẹp giữ xương tự định tâm	2
62	Thước đo độ sâu	1
63	Dụng cụ dẫn hướng	1
64	Dụng cụ dẫn hướng	1
65	Dụng cụ dẫn hướng	1
66	Nậy xương	1
67	Nậy xương	1
68	Dụng cụ uốn nắn nẹp xương	1
69	Cây nạo ngoài xương	1
70	Cây nạo ngoài xương	1
71	Mũi khoan xoắn	2
72	Mũi khoan xoắn	2

## **2. Bộ dụng cụ phẫu thuật chi dưới**

<b>STT</b>	<b>Tên chi tiết</b>	<b>Số lượng</b>
1	Khay đựng hình quả thận	1
2	Cốc đựng dung dịch nhỏ	1
3	Cốc đựng dung dịch lớn	1
4	Kẹp gấp bông băng	2
5	Kẹp sãng Backhaus	10
6	Cán dao mổ, số 3	1
7	Cán dao mổ, số 4	1
8	Cán dao mổ, số 7	1
9	Kéo phẫu thuật	1
10	Kéo phẫu thuật Mayo	1
11	Kéo phẫu tích Metzenbaum	1
12	Kéo phẫu tích Metzenbaum	1
13	Nhíp mô	1
14	Nhíp mô	1
15	Nhíp mô	1

<b>STT</b>	<b>Tên chi tiết</b>	<b>Số lượng</b>
16	Nhíp phẫu tích	1
17	Kẹp động mạch	10
18	Kẹp mạch máu	2
19	Kẹp cầm máu Kocher	2
20	Bộ banh tổ chức	1
21	Banh vết thương	1
22	Kẹp giữ xương	2
23	Kìm cắt chỉ thép	1
24	Kẹp giữ xương	1
25	Kẹp giữ xương	2
26	Kẹp giữ xương	2
27	Kẹp giữ xương	2
28	Kẹp giữ xương	2
29	Banh vết thương	1
30	Dụng cụ róc xương	1
31	Dụng cụ phẫu tích thân kinh	1
32	Banh má và mô mềm	2
33	Que thăm dò	1
34	Dụng cụ tùn xương	1
35	Dụng cụ nậy xương	2
36	Dụng cụ nậy xương	4
37	Banh khớp háng	2
38	Cây luồn chỉ	1
39	Kìm cắt xương	2
40	Kẹp tái định vị	2
41	Kẹp mang kim	1
42	Kẹp mang kim	1
43	Kẹp mang kim	2
44	Hộp tiệt trùng và bảo quản dụng cụ loại có màng lọc	1
45	Búa phẫu thuật	1
46	Ống hút dịch	1
47	Kìm xoắn chỉ thép	1
48	Mũi tạo ren	1
49	Mũi tạo ren	1
50	Mũi tạo ren	1
51	Dụng cụ khoan	1
52	Khoan xương lỗ rộng (tay cầm chữ T)	1
53	Kẹp giữ vít	1
54	Tuốc nơ vít lục giác	1
55	Kẹp định vị	1

<b>STT</b>	<b>Tên chi tiết</b>	<b>Số lượng</b>
56	Thước đo độ sâu	1
57	Dụng cụ dẫn hướng	1
58	Dụng cụ dẫn hướng	1
59	Dụng cụ dẫn hướng	1
60	Nậy xương	1
61	Nậy xương	1
62	Dụng cụ uốn nẹp xương	1
63	Cây nạo ngoài xương	1
64	Cây nạo ngoài xương	1
65	Mũi khoan xoắn	2
66	Mũi khoan xoắn	2

### **3. Bộ dụng cụ phẫu thuật vi phẫu bàn tay**

<b>STT</b>	<b>Tên chi tiết</b>	<b>Số lượng</b>
1	Cán dao mổ cho lưỡi dao vi phẫu	1
2	Kéo vi phẫu	1
3	Kéo vi phẫu	1
4	Kéo cắt chỉ TC	1
5	Kéo phẫu tích Metzenbaum TC	1
6	Kẹp phẫu tích Adson	1
7	Kẹp vi phẫu	1
8	Kẹp vi phẫu	1
9	Kẹp vi phẫu	1
10	Kẹp vi phẫu	1
11	Kẹp vi phẫu	1
12	Kẹp vi phẫu	1
13	Kẹp mang kim vi phẫu	1
14	Dụng cụ đặt kẹp mạch máu	1
15	Kẹp vi phẫu mạch máu	4
16	Kẹp vi phẫu mạch máu	2
17	Kẹp vi phẫu mạch máu	4
18	Kẹp mạch máu đôi	1
19	Kẹp mạch máu động mạch	1
20	Kẹp mạch máu	2
21	Kẹp sãng	6
22	Móc da	2
23	Móc da	2
24	Bát đựng bệnh phẩm	1
25	Hộp tiệt trùng và bảo quản dụng cụ loại có màng lọc	1

<b>STT</b>	<b>Tên chi tiết</b>	<b>Số lượng</b>
26	Kéo phẫu thuật	1
27	Kéo phẫu thuật	1
28	Kéo phẫu thuật	1
29	Kẹp cầm máu	4
30	Kìm mang kim	1
31	Kìm mang kim	1
32	Banh vi phẫu	2
33	Dụng cụ vén	1
34	Dụng cụ vén	1
35	Banh vết mổ	1
36	Banh vết mổ	1
37	Kìm gặm xương	1
38	Kìm gặm xương	1
39	Dụng cụ bẫy xương	1
40	Dụng cụ lấy gân	1
41	Dụng cụ bóc tách	1
42	Kim	2
43	Kim	2
44	Que thăm dò	1
45	Kẹp giữ gân	1
46	Móc gân	1
47	Móc gân	1
48	Dao cắt dây thần kinh	1
49	Kẹp giữ dây thần kinh	1
50	Kẹp giữ dây thần kinh	1
51	Đục xương	1
52	Đục xương	1
53	Đục xương	1
54	Đục xương	1
55	Đục xương	1
56	Đục xương	1
57	Đục xương	1
58	Đục xương	2
59	Dụng cụ kê ngón tay	1
60	Cây nạo xương	1
61	Cây bóc tách màng xương	1
62	Kìm Rongeur	1
63	Kìm cắt xương	1
64	Kìm cắt dây	1
65	Búa xương HAJEK	1
66	Cưa xương cầm tay	1
67	Dũa xương	1

<b>STT</b>	<b>Tên chi tiết</b>	<b>Số lượng</b>
68	Mũi khoan	1
69	Kéo vi phẫu	1
70	Kìm mang kim vi phẫu	1
71	Kẹp nong mạch máu vi phẫu	1
72	Kẹp nong mạch máu vi phẫu	1
73	Kẹp mạch máu	4
74	Kẹp mạch máu	4
75	Kẹp mạch máu	2
76	Kẹp mạch máu	10
77	Kẹp mạch máu	10
78	Kẹp mạch máu	10
79	Kẹp mạch máu	5
80	Dụng cụ cố định hai đầu mạch máu	1
81	Dụng cụ cố định hai đầu mạch máu	1
82	Dụng cụ dẫn khâu mạch máu	1
83	Dụng cụ dẫn khâu mạch máu	1
84	Dụng cụ dẫn khâu mạch máu	1
85	Dụng cụ dẫn khâu mạch máu	1
86	Kim rửa mạch máu	2
87	Kim rửa mạch máu	2
88	Kim rửa mạch máu	2
89	Kim rửa mạch máu	2
90	Kim rửa mạch máu	2
91	Kim rửa mạch máu	2

#### **4. Kìm cắt đinh 3.0**

Kìm cắt đinh dành cho đinh có đường kính 3.0mm. vật liệu thép không gỉ, công nghệ xử lý bề mặt cao cấp không mạ, tiêu chuẩn ISO 13485, CE MDR

#### **5. Bộ dụng cụ cố định và tháo đinh nẹp vít**

<b>STT</b>	<b>Tên chi tiết</b>	<b>Số lượng</b>
1	Móc nạo xương	1
2	Mũi nạo	1
3	Tuốc nơ vít đầu hình lục giác	1
4	Tuốc nơ vít đầu hình lục giác	1
5	Tua vít lục giác có cán rời	2
6	Tuốc nơ vít đầu hình lục giác	1
7	Tuốc nơ vít đầu hình lục giác	1
8	Tuốc nơ vít đầu hình lục giác	1
9	Tuốc nơ vít đầu hình lục giác	1
10	Tuốc nơ vít đầu hình lục giác	1
11	Tuốc nơ vít đầu hình lục giác	1

<b>STT</b>	<b>Tên chi tiết</b>	<b>Số lượng</b>
12	Tuốc nơ vít đầu vuông	1
13	Tuốc nơ vít đầu vuông	1
14	Tua vít đầu dẹp	1
15	Tua vít đầu dẹp	1
16	Tuốc nơ vít đầu chữ thập	1
17	Dụng cụ đặt vít chữ U	1
18	Dụng cụ tháo vít	1
19	Dụng cụ tháo vít	1
20	Kìm nhỏ vít gãy	1
21	Tuốc nơ vít đầu sao	1
22	Tuốc nơ vít đầu sao	2
23	Tuốc nơ vít đầu sao	1
24	Tuốc nơ vít đầu sao	1
25	Tuốc nơ vít đầu sao	1
26	Tuốc nơ vít đầu sao	1
27	Mũi khoan TC	1
28	Mũi khoan TC	1
29	Mũi khoan TC	1
30	Dụng cụ tạo ren tháo vít hỏng	1
31	Dụng cụ tạo ren tháo vít hỏng	1
32	Dụng cụ tạo ren tháo vít hỏng	1
33	Đục xương	1
34	Mũi khoan xương lỗ rộng	1
35	Mũi khoan xương lỗ rộng	1
36	Mũi khoan xương lỗ rộng	1
37	Mũi khoan xương lỗ rộng	1
38	Mũi khoan xương lỗ rộng	1
39	Mũi khoan xương lỗ rộng	1
40	Mũi khoan rộng lấy vít	1
41	Mũi khoan rộng lấy vít	1
42	Mũi khoan rộng lấy vít	1
43	Tay cầm	1
44	Tay cầm	1

## **6. Bộ phẫu thuật tim mạch lồng ngực ít xâm lấn**

<b>STT</b>	<b>Tên chi tiết</b>	<b>Số lượng</b>
1	Móc mạch máu và mô	1
2	Ống hút dùng cho VATS	1
3	Ống hút dùng cho VATS	1
4	Kẹp clamp không chấn thương	1
5	Clamp không gây tổn thương	1
6	Kẹp Foerster	1

<b>STT</b>	<b>Tên chi tiết</b>	<b>Số lượng</b>
7	Kẹp Foerster	1
8	Trợ cụ cho kẹp bulldog	1
9	Kẹp Bulldog không chấn thương	1
10	Kẹp Bulldog không chấn thương	1
11	Kẹp clamp không chấn thương	1
12	Kẹp mô không chấn thương	1
13	Kẹp mô	1
14	Kẹp mô	1
15	Kìm kẹp clip	1
16	Dụng cụ đẩy nút thắt	1
17	Dụng cụ đẩy nút thắt	1
18	Kìm mang kim	1
19	Kìm mang kim	1
20	Kìm kẹp kim	1
21	Kéo	1
22	Kéo	1
23	Giá đỡ	1
24	Khay lưới	1

## **7. Dụng cụ phẫu thuật vi phẫu**

<b>STT</b>	<b>Tên chi tiết</b>	<b>Số lượng</b>
1	Kẹp mạch máu Bulldog không chấn thương	2
2	Clip đôi	2
3	Clip đơn	4
4	Kéo cắt mạch (Potts-Smith Vascular Scissors):	2
5	Kìm kẹp kim vi phẫu	2
6	Kẹp Phẫu tích	2
7	Phẫu tích vi phẫu	4
8	Kéo vi phẫu cong	2
9	Kẹp Hemoclip mạch máu cỡ S	2
10	Bô cào to	2
11	Lóc màng xương	3
12	Kéo phẫu thuật vi phẫu cong trắng 18 cm	2
13	Kìm giữ xương	2
14	Malate	1
15	Mở miệng	1
16	Móc da đơn	2
17	Móc da đôi	2
18	Panh có máu	5
19	Panh cong nhỏ	10
20	Farabeuf nhỏ 2 đầu	2
21	Farabeuf to 2 đầu	4

<b>STT</b>	<b>Tên chi tiết</b>	<b>Số lượng</b>
22	Farabeuf L ưỡn	2
23	Farabeuf L cup	2
24	Phẫu tích máu dọc	2
25	Phẫu tích nhỏ có máu 12cm	4
26	Phẫu tích nhỏ không máu 12cm	5
27	Khay lưới bảo quản dụng cụ phẫu thuật	2
28	Hộp hấp tiệt trùng	2

### **8. Dụng cụ phẫu thuật hàm mặt**

<b>STT</b>	<b>Tên chi tiết</b>	<b>Số lượng</b>
1	Cán dao mổ số 4	2
2	Cán dao mổ số 3	2
3	Cán dao mổ số 4L	2
4	Róc tách và nâng vách ngăn	2
5	Nạo xương	2
6	Dụng cụ bóc xương	4
7	Thìa nạo xương	2
8	Thìa nạo xương	2
9	Nhíp mô 160mm	2
10	Nhíp mô 180mm	2
11	Nhíp phẫu tích	4
12	Nhíp phẫu tích	4
13	Kẹp phẫu tích	4
14	Ống hút	2
15	Ống hút	2
16	Banh tự giữ	2
17	Kéo phẫu tích	2
18	Kéo phẫu tích	2
19	Kéo phẫu tích	2
20	Kẹp mang kim	2
21	Kẹp mang kim	2
22	Kẹp mạch máu	4
23	Kẹp mạch máu	4
24	Kẹp sàng	10
25	Khay lưới bảo quản dụng cụ phẫu thuật	2
26	Hộp hấp tiệt trùng	2
27	Kìm gặm xương	2
28	Dụng cụ bóc xương	4
29	Thìa nạo xương	2
30	Dao có đầu gập góc 30 độ	2
31	Panh cong nhỏ	10
32	Farabeuf nhỏ 2 đầu	4

33	Farabeuf to 2 đầu	4
34	Farabeuf L ưỡn	2
35	Farabeuf L cụp	2
36	Khay quả đậu	2

### 9. Bộ dụng cụ phẫu thuật đại phẫu

STT	Tên chi tiết	Số lượng
1	Kẹp bông băng gạc	4
2	Kẹp sãng	10
3	Cán dao mổ số 3	1
4	Cán dao mổ số 4	1
5	Cán dao mổ số 7	1
6	Kéo phẫu tích Mayo	1
7	Kéo phẫu tích Mayo	1
8	Kéo Metzenbaum	2
9	Kéo Metzenbaum	2
10	Kéo phẫu tích	1
11	Kéo Metzenbaum	2
12	Kéo phẫu tích cong	1
13	Kẹp phẫu tích	2
14	Kẹp phẫu tích mô	1
15	Kẹp phẫu tích	2
16	Kẹp phẫu tích	1
17	Kẹp phẫu tích	1
18	Kẹp phẫu tích	1
19	Kẹp Allis	4
20	Kẹp giữ mô	2
21	Kẹp cầm máu	10
22	Kẹp cầm máu	10
23	Kẹp cầm máu	4
24	Kẹp cầm máu	4
25	Kẹp cầm máu	4
26	Kẹp thận	2
27	Kẹp thận	2
28	Kẹp gấp sỏi	2
29	Kẹp gấp sỏi	2
30	Kẹp lấy sỏi	1
31	Kẹp lấy sỏi	1
32	Kẹp lấy sỏi	1
33	Banh bụng	2
34	Banh bụng	2
35	Bộ banh ô bụng	1
36	Banh bụng	2

STT	Tên chi tiết	Số lượng
37	Banh vết mỡ	2
38	Banh vết mỡ	2
39	Dụng cụ banh	2
40	Bộ banh	1
41	Banh ổ bụng	1
42	Banh ổ bụng	2
43	Bộ banh bụng	1
44	Que thăm dò	1
45	Cây luồn chỉ	1
46	Cây luồn chỉ	1
47	Kìm kẹp kim	1
48	Kìm kẹp kim	2
49	Kìm mang kim	1
50	Ống hút	1
51	Bát đựng bệnh phẩm	1
52	Bát đựng bệnh phẩm	1
53	Bát quả thận	1
54	Kẹp cầm máu	12
55	Kẹp cầm máu	6
56	Kẹp cầm máu	6
57	Kẹp cầm máu	6
58	Kẹp cầm máu	6
59	kẹp ruột	2
60	Kẹp cầm máu	2
61	Kẹp cầm máu	2
62	Kéo phẫu tích MAYO	1
63	Kéo phẫu tích MAYO	1
64	Kéo phẫu tích MAYO	2
65	Kéo phẫu thuật siêu chính xác	1
66	Banh phẫu thuật	2
67	Banh Farabeuf	1
68	Banh bụng	1
69	Banh VOLKMANN	1
70	Banh phẫu thuật	2
71	Banh bàng quang	
72	Kẹp thận	1
73	Kẹp gấp sỏi thận	
74	Kẹp gấp sỏi thận	
75	kẹp bulldog không sang chân	
76	kẹp bulldog DeBakey	
77	kẹp bulldog không sang chân	
78	kẹp bulldog không sang chân	

STT	Tên chi tiết	Số lượng
79	Kìm mang kim	1
80	Kìm mang kim	1
81	Kẹp phẫu tích và thắt nút chỉ	3
82	Kẹp phẫu tích	4
83	Ống hút	1
84	Kẹp phẫu tích và thắt nút chỉ	2
85	Hộp tiệt trùng và bảo quản dụng cụ loại có màng lọc	1

#### 10. Bộ dụng cụ nội soi ổ bụng (Tiêu hóa - gan mật)

STT	Tên chi tiết	Số lượng
1	Ống kính soi hướng nhìn 30 độ	1
2	Vỏ trocar cỡ 11 mm	1
3	Nòng trocar cỡ 11 mm, đầu sắc	1
4	Nòng trocar cỡ 11 mm, đầu tù	1
5	Vỏ trocar cỡ 5.5-mm	1
6	Nòng Trocar đầu sắc hình chóp nón, cỡ 5.5 mm	1
7	Nòng Trocar an toàn, cỡ 5.5mm	1
8	Nắp cao su đầu trocar đường kính 10/11mm	10
9	Nắp cao su dùng cho trocar cỡ 5.5 mm	10
10	Nắp giảm	1
11	Tay cầm dụng cụ có đốt điện, không khóa	8
12	Tay cầm dụng cụ có đốt điện, có khóa	4
13	Vỏ ngoài dụng cụ	8
14	Hàm forceps kẹp De bakey	1
15	Hàm forcep kẹp nhiều răng	1
16	Hàm forceps kẹp và phẫu tích Maryland Dilip	1
17	Hàm forceps Kẹp Johan	1
18	Hàm forceps Kẹp gấp và giữ	1
19	Hàm forceps kẹp, cong, có cửa sổ	1
20	Lưỡi kéo cong	1
21	Lưỡi kéo dạng móc	1
22	Tay cầm dạng vòng lưỡng cực	1
23	Vỏ ngoài tay dao lưỡng cực	1
24	Hàm forceps kẹp lưỡng cực dạng kìm	1
25	Dụng cụ thăm dò tổ chức	1
26	Quạt nâng gan	1
27	Ống tưới hút,	1
28	Kìm mang kim LOFTLINE thẳng	1
29	Kìm kẹp kim, hàm cong trái	1
30	Thanh đẩy chỉ	1
31	Tay cầm kìm kẹp clip	1

STT	Tên chi tiết	Số lượng
32	Vỏ ngoài kim kẹp clip	1
33	Hàm kẹp clip	1
34	Dây cao tần đơn cực	1
35	Dây cao tần lưỡng cực	1
36	Bàn chải vệ sinh dụng cụ	1
37	Khay lưới để tiệt trùng và bảo quản ống soi	1
38	Hộp tiệt trùng và bảo quản dụng cụ	1

### 11. Bộ dụng cụ nội soi ổ bụng (Tiêu hóa - gan mật)

STT	Tên chi tiết	Số lượng
1	Ống kính soi hướng nhìn 30 độ	1
2	Van trocar đa chức năng cỡ 11 mm	2
3	Vỏ trocar cỡ 11 mm	2
4	Nòng trocar cỡ 11 mm, đầu sắc	1
5	Nòng trocar cỡ 11 mm, đầu tù	1
6	Van trocar đa chức năng cỡ 6 mm	2
7	Vỏ trocar cỡ 6mm	2
8	Nòng trocar đầu hình kim tự tháp, cỡ 6 mm	1
9	Nòng trocar đầu tù, cỡ 6mm	1
10	Nắp cao su dùng cho trocar cỡ 11 mm	10
11	Nắp cao su dùng cho trocar cỡ 6 mm	10
12	Nắp giảm	1
13	Tay cầm Clickline, bằng nhựa, không khóa	4
14	Tay cầm Clickline, bằng nhựa, có khóa	4
15	Vỏ ngoài, bằng kim loại	8
16	Hàm forceps kẹp Debakey	1
17	Hàm forcep kẹp nhiều răng	1
18	Hàm forceps kẹp và phẫu tích KELLY	1
19	Hàm forceps kẹp có răng cưa	1
20	Hàm forceps kẹp hàm có lỗ	1
21	Hàm forceps kẹp, cong, có cửa sổ	1
22	Lưỡi kéo cong	1
23	Lưỡi kéo dạng móc	1
24	Tay cầm ROBI	1
25	Vỏ ngoài kẹp lưỡng cực ROBI	1
26	Hàm forceps kẹp và phẫu tích lưỡng cực	1
27	Điện cực phẫu tích và cầm máu đơn cực, đầu hình xẻng tù	1
28	Điện cực phẫu tích và cầm máu, đầu hình chữ L	1
29	Dụng cụ thăm dò tổ chức	1
30	Dao vi phẫu	1
31	Quạt nâng gan	1

STT	Tên chi tiết	Số lượng
32	Ống tưới hút,	1
33	Kìm kẹp kim, hàm thẳng	1
34	Kìm kẹp kim, hàm cong trái	1
35	Thanh dây chỉ	1
36	Tay cầm kìm kẹp clip	1
37	Vỏ ngoài kìm kẹp clip	1
38	Hàm kẹp clip	1
39	Dây cao tần đơn cực	2
40	Dây cao tần lưỡng cực	2
41	Bàn chải vệ sinh dụng cụ	5
42	Hộp ngâm khử khuẩn dụng cụ	2
43	Khay lưới để tiệt trùng và bảo quản ống soi	1
44	Hộp tiệt trùng và bảo quản dụng cụ	1

## 12. Bộ dụng cụ nội soi ổ bụng (Tiêu hóa - gan mật)

STT	Tên chi tiết	Số lượng
1	Ống soi ổ bụng	1
2	Dây dẫn sáng	1
3	Trocar kim loại cỡ 10.5 mm	2
4	Trocar kim loại cỡ 5.5 mm	2
5	Ống thu giảm khẩu kính	1
6	Kéo cong phẫu thuật nội soi	1
7	Kéo cắt chỉ phẫu thuật nội soi	1
8	Kẹp ruột phẫu thuật nội soi	1
9	Kẹp phẫu tích phẫu thuật nội soi	1
10	Kẹp mô nặng phẫu thuật nội soi	1
11	Kẹp túi mật phẫu thuật nội soi	1
12	Kẹp ruột thừa phẫu thuật nội soi	1
13	Kẹp ruột phẫu thuật nội soi	1
14	Que phẫu tích đơn cực	1
15	Kìm mang kim nội soi	1
16	Kìm mang kim nội soi	1
17	Ống tưới hút	1
18	Kẹp lưỡng cực phẫu thuật nội soi	1
19	Dụng cụ nâng gạt tổ chức	1
20	Vén gan	1
21	Kẹp cố định	1
22	Kìm kẹp clip kim loại	1
23	Kìm kẹp clip kim loại	1
24	Kìm kẹp clip Polymer	1
25	Kìm kẹp clip polimer	1
26	Cáp cao tần đơn cực	1

STT	Tên chi tiết	Số lượng
27	Nút cao su đầu trocar	10
28	Nút cao su đầu trocar	10
29	Hộp tiệt trùng và bảo quản ống soi	1
30	Hộp tiệt trùng và bảo quản dụng cụ	1

### 13. Bộ dụng cụ đại phẫu ổ bụng (Tiêu hóa - gan mật)

STT	Tên chi tiết	Số lượng
1	Cán dao mổ số 3	1
2	Cán dao mổ số 4	1
3	Kẹp sãng	8
4	Kẹp bông băng F	2
5	Nhíp phẫu tích	2
6	Nhíp phẫu tích	2
7	Nhíp phẫu tích	2
8	Nhíp phẫu tích	2
9	Kéo phẫu tích Mayo, cong	1
10	Kéo phẫu tích Mayo, thẳng	1
11	Kéo phẫu tích Metzenbaum-Nelson, cong	1
12	Kéo phẫu tích Metzenbaum-Nelson, cán vàng, cong	1
13	Kéo phẫu thuật Standard thẳng	1
14	Kẹp mạch máu Crile, cong	6
15	Kẹp mạch máu Rochester-pean, cong	6
16	Kẹp mạch máu Spencer-wells, thẳng	6
17	Kẹp mạch máu Halsted-mosquito	6
18	Kẹp ruột Allis	2
19	Kẹp ruột Duval	2
20	Kẹp Thoms-Allis	2
21	Kẹp mạch máu Bainbridge, thẳng	2
22	Kẹp tổ chức Collin	1
23	Kìm mang kim De bakey mảnh, ngàm răng cưa, cán vàng	1
24	Kìm mang kim De bakey mảnh, ngàm răng cưa, cán vàng	1
25	Kìm mang kim De bakey mảnh, ngàm răng cưa, cán vàng	1
26	Kẹp ruột Williams	1
27	Kẹp ruột Babcock	2
28	Nhíp phẫu tích ngàm có khóa	1
29	Kẹp ống mật Lahey	2
30	Banh bụng Ribbon	1
31	Banh tổ chức Richardson	2

STT	Tên chi tiết	Số lượng
32	Banh tổ chức Langenbeck	2
33	Banh tổ chức Farabeuf 2 đầu, bộ 2 chiếc	1
34	Banh tổ chức Volkmann, 4 răng tù,	2
35	Banh bụng Balfour hoàn chỉnh	1
36	Kẹp mạch máu De bakey-pean	1
37	Ống hút Yankauer	1
38	Thìa nạo sỏi mật Luer-Koerte	1
39	Nắp hộp	1
40	Đáy hộp hấp dụng cụ phẫu thuật không có lỗ	1
41	Khay lưới bảo quản dụng cụ	1

#### 14. Bộ dụng cụ đại phẫu ổ bụng (Tiêu hóa - gan mật)

STT	Tên chi tiết	Số lượng
1	Kẹp cầm máu	12
2	Kẹp cầm máu	6
3	Kẹp cầm máu	6
4	Kẹp cầm máu	6
5	Kẹp cầm máu	6
6	Cán dao mổ số 4	1
7	Cán dao mổ số 3	1
8	kẹp giữ mô	4
9	Kẹp mô	1
10	Kẹp mô	1
11	Kẹp mô	1
12	Kẹp mô	1
13	kẹp ruột	2
14	Kẹp cầm máu Kocher	2
15	Kẹp cầm máu Kocher	2
16	Kẹp cầm máu Kocher	2
17	Kéo phẫu thuật	1
18	Kéo phẫu thuật	1
19	Kéo phẫu thuật	2
20	Kéo phẫu thuật METZENBAUM	1
21	Kéo phẫu thuật METZENBAUM	1
22	Kéo phẫu thuật siêu chính xác	1
23	Kẹp khăn	6
24	Banh phẫu thuật	2
25	Banh Farabeuf	1
26	Banh bụng	1
27	Banh bụng	1
28	Banh bụng	1
29	Banh bụng	1

<b>STT</b>	<b>Tên chi tiết</b>	<b>Số lượng</b>
30	banh sâu VOLKMANN	1
31	Banh tự giữ	1
32	Kìm mang kim	1
33	Kìm mang kim	1
34	Kìm mang kim	1
35	Kẹp phẫu tích và thắt nút chỉ	3
36	Kẹp phẫu tích và thắt nút chỉ	4
37	ống hút	1
38	Kẹp gạc	2
39	Kẹp mô ALLIS	4
40	kẹp phẫu tích và thắt nút chỉ	2
41	Cây thăm dò DOYEN	1
42	Hộp tiệt trùng và bảo quản dụng cụ	1

### **15. Bộ dụng cụ trung phẫu ổ bụng**

<b>STT</b>	<b>Tên chi tiết</b>	<b>Số lượng</b>
1	Cán dao mổ số 4	2
2	Kẹp sãng Backhaus	6
3	Kẹp bông băng Foerster, thẳng, ngàm có khóa	1
4	Nhíp phẫu tích Standard, ngàm có răng	1
5	Nhíp phẫu tích Standard ngàm có khóa	1
6	Nhíp phẫu tích Standard cỡ trung bình, ngàm có khóa	1
7	Nhíp phẫu tích Cushing thẳng, cán vàng,	1
8	Đầu dò có mũi tròn,	1
9	Kéo phẫu tích Mayo, cong	1
10	Kéo phẫu tích Mayo, thẳng	2
11	Kéo phẫu tích Metzenbaum-Nelson, cong	1
12	Kẹp mạch máu Crile, cong	6
13	Kẹp mạch máu Crile-rankin loại dài, mảnh, cong	6
14	Kẹp mạch máu Spencer-wells, thẳng	2
15	Nhíp phẫu tích	2
16	Kẹp ruột Babcock	2
17	Kìm mang kim Mayo-Hegar	1
18	Kìm mang kim Mayo-Hegar	1
19	Kẹp ruột Williams	1
20	Nhíp phẫu tích Standard cỡ trung bình, ngàm có khóa	1
21	Banh tổ chức kocher	1
22	Banh tổ chức farabeuf 2 đầu, bộ 2 chiếc	1
23	Ống hút Coole	1

<b>STT</b>	<b>Tên chi tiết</b>	<b>Số lượng</b>
24	Khay quả thận, dài 250mm	1
25	Nắp hộp hấp dụng cụ	1
26	Đáy hộp hấp dụng cụ phẫu thuật,	1
27	Khay lưới bảo quản dụng cụ phẫu thuật,	1

### **16. Bộ dụng cụ trung phẫu ổ bụng**

<b>STT</b>	<b>Tên chi tiết</b>	<b>Số lượng</b>
1	Kẹp cầm máu	6
2	Kẹp cầm máu	6
3	Kẹp cầm máu	4
4	Cán dao mổ số 4	1
5	Cán dao mổ số 3	1
6	kẹp giữ mô	2
7	Kẹp mô	1
8	Kẹp mô	1
9	Kẹp mô	1
10	Kéo phẫu thuật	1
11	Kéo phẫu thuật	1
12	Kéo phẫu thuật METZENBAUM	1
13	Kìm mang kim	1
14	ống hút	1
15	Kẹp khăn	6
16	banh Farabeuf	2
17	Kẹp mô ALLIS	2
18	Banh phẫu thuật	1
19	Kẹp gạc	1
20	Khay quả đậu	1
21	Hộp đựng dụng cụ	1

### **17. Bộ dụng cụ phẫu thuật đầu mặt cổ**

<b>STT</b>	<b>Tên chi tiết</b>	<b>Số lượng</b>
1	Cán dao mổ số 4	1
2	Cán dao mổ số 3	1
3	Nhíp mô	2
4	Nhíp phẫu tích	2
5	Nhíp phẫu tích kẹp mạch máu	2
6	Kéo phẫu thuật	2
7	Kéo phẫu tích	2
8	Kéo phẫu tích	2

<b>STT</b>	<b>Tên chi tiết</b>	<b>Số lượng</b>
9	Kẹp mạch máu	5
10	Kẹp mạch máu	10
11	Kẹp phẫu tích	2
12	Kẹp mô	6
13	Kẹp mạch máu không sang chân	4
14	Kẹp sãng	4
15	Kìm mang kim	3
16	Kìm mang kim	1
17	Banh vết mổ	4
18	Banh vết mổ	2
19	Banh vết mổ tự động	1
20	Ống hút	2
21	Bát đựng bệnh phẩm	3
22	Khay hạt đậu	1
23	Kẹp gấp bông băng	2
24	Khay lưới đựng dụng cụ	1
25	Hộp hấp tiệt trùng	1
26	Dụng cụ đặt clip mạch máu	1

### **18. Bộ dụng cụ phẫu thuật gan mật tụy**

<b>STT</b>	<b>Tên chi tiết</b>	<b>Số lượng</b>
1	Bát đựng bệnh phẩm	1
2	Bát đựng bệnh phẩm	1
3	Kẹp gấp bông băng	1
4	Kẹp sãng	6
5	Cán dao mổ số 3	1
6	Kéo phẫu thuật Mayo	1
7	Kéo phẫu tích	1
8	Nhíp mô	2
9	Nhíp phẫu tích	2
10	Nhíp không chân thương	2
11	Nhíp không sang chân	2
12	Nhíp phẫu tích	2
13	Kẹp động mạch	10
14	Kẹp phẫu tích và gấp chỉ	4
15	Kẹp ruột	2
16	Kẹp ruột	2

<b>STT</b>	<b>Tên chi tiết</b>	<b>Số lượng</b>
17	Kẹp Bulldog không chấn thương	6
18	Kẹp Bulldog không chấn thương	6
19	Kẹp mạch máu không chấn thương	6
20	Kẹp mạch máu không chấn thương	2
21	Kẹp mạch máu bán phần	2
22	Kẹp mang kim	2
23	Kẹp mang kim	2
24	Banh vết thương Farabeuf	2
25	Vòng giữ dụng cụ	1
26	Đáy hộp đựng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật	1
27	Nắp trong hộp đựng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật	1
28	Khay lưới bảo quản dụng cụ phẫu thuật	1
29	Màng lọc tiết trùng	2
30	Dụng cụ đặt clip 145mm	2
31	Dụng cụ đặt clip 185mm	2
32	Ống hút	2
33	Kéo cắt chỉ	2
34	Kẹp mô	6
35	Kìm mang kim	1
36	Banh vết mổ	2
37	Kẹp mang kim	2
38	Banh nâng tạng	1
39	Banh malleable	1
40	Dụng cụ banh bụng	1

### **19. Bộ dụng cụ phẫu thuật phụ khoa**

<b>STT</b>	<b>Tên chi tiết</b>	<b>Số lượng</b>
1	Cán dao mổ số 3	1
2	Cán dao mổ số 4	1
3	Lưỡi dao mổ số 10	1
4	Lưỡi dao mổ số 11	1
5	Lưỡi dao mổ số 15	1

<b>STT</b>	<b>Tên chi tiết</b>	<b>Số lượng</b>
6	Hộp/khay đựng kim và lưỡi dao	1
7	Kéo Metzenbaum thẳng	2
8	Kéo Metzenbaum cong	2
9	Kéo Metzenbaum dài	1
10	Kéo Mayo thẳng	1
11	Kéo Mayo cong	1
12	Kéo cắt chỉ	2
13	Kéo Iris (tùy chọn)	1
14	Kéo bóc tách tinh	1
15	Kéo/keo cắt chỉ nhỏ	1
16	Kẹp phẫu tích có răng	3
17	Kẹp phẫu tích không răng	3
18	Kẹp phẫu tích DeBakey	2
19	Kẹp phẫu tích DeBakey dài	2
20	Kẹp phẫu tích dài (deep pelvic)	2
21	Kẹp phẫu tích DeBakey dài (deep pelvic)	2
22	Kẹp cầm máu Mosquito thẳng	6
23	Kẹp cầm máu Mosquito cong	6
24	Kẹp cầm máu Kelly thẳng	6
25	Kẹp cầm máu Kelly cong	6
26	Kẹp cầm máu Crile thẳng	6
27	Kẹp cầm máu Crile cong	6
28	Kẹp cầm máu dài	6
29	Kẹp cầm máu siêu nhỏ	2
30	Kẹp cầm máu dài (deep pelvic)	4
31	Kẹp kẹp dây chằng (Heaney)	2
32	Kẹp kẹp tử cung (Rochester-Pean)	2
33	Kẹp Babcock	2
34	Kẹp Allis	2
35	Banh Farabeuf	2
36	Banh Army-Navy	2
37	Banh Langenbeck	2
38	Banh Richardson	2
39	Banh Deaver	2
40	Banh malleable (ribbon)	2
41	Banh bàn quang (Doyen)	1
42	Banh tự giữ Balfour	1
43	Khung banh tự giữ (tùy chọn)	1
44	Móc da đơn	2
45	Móc da đôi	2
46	Van âm đạo (Sims)	2
47	Van âm đạo (Auvard)	2

<b>STT</b>	<b>Tên chi tiết</b>	<b>Số lượng</b>
48	Cán kim Mayo-Hegar	2
49	Cán kim lớn	1
50	Cán kim nhỏ	1
51	Cán kim dài (needle holder – deep pelvic)	2
52	Ống hút Yankauer	1
53	Kẹp giữ dẫn lưu	1
54	Khay đựng dụng cụ	1
55	Kẹp khăn (Backhaus)	8
56	Kẹp gạc (Foerster)	4
57	Kẹp Kocher	4
58	Kẹp kẹp góc (Right angle)	4
59	Kẹp mạch tạm thời (Bulldog)	2
60	Kẹp kẹp mạch lớn (tùy chọn)	2
61	Kẹp tử cung (Tenaculum)	2
62	Kẹp Pozzi (tùy chọn)	1
63	Kẹp kẹp mở vạt (vaginal speculum)	1
64	Kẹp gấp kim (needle forceps)	1
65	Kẹp kẹp chỉ (suture forceps)	1
66	Dụng cụ bóc tách đầu tù	2
67	Kẹp bóc tách có rãnh	1
68	Kẹp nâng niệu quản (tùy chọn)	1
69	Kẹp giữ da (skin clamp)	2
70	Kẹp kẹp mô không răng (atraumatic)	2
71	Kẹp tách mô dạng vòng	1
72	Dụng cụ nong cổ tử cung (bộ) (tùy chọn)	1
73	Dụng cụ nạo buồng tử cung (tùy chọn)	1
74	Kẹp kẹp móm cắt/đánh dấu bệnh phẩm	1
75	Kẹp góc / Right-angle dài (deep pelvic)	2

## **20. Bộ dụng cụ phẫu thuật đại phẫu ống tiêu hóa chung**

<b>STT</b>	<b>Tên chi tiết</b>	<b>Số lượng</b>
1	Cán dao mổ số 3	1
2	Cán dao mổ số 4	1
3	Lưỡi dao mổ số 10	3
4	Lưỡi dao mổ số 11	1
5	Lưỡi dao mổ số 15	3
6	Hộp/khay đựng kim và lưỡi dao	1
7	Kéo Metzenbaum thẳng	2
8	Kéo Metzenbaum cong	2
9	Kéo Metzenbaum dài	1

<b>STT</b>	<b>Tên chi tiết</b>	<b>Số lượng</b>
10	Kéo Mayo thẳng	1
11	Kéo Mayo cong	1
12	Kéo cắt chỉ	2
13	Kéo Iris (tùy chọn)	1
14	Kẹp phẫu tích có răng	3
15	Kẹp phẫu tích không răng	3
16	Kẹp phẫu tích DeBakey	2
17	Kẹp phẫu tích DeBakey dài	2
18	Kẹp phẫu tích dài (deep pelvic)	2
19	Kẹp phẫu tích DeBakey dài (deep pelvic)	2
20	Kẹp cầm máu Mosquito thẳng	8
21	Kẹp cầm máu Mosquito cong	8
22	Kẹp cầm máu Kelly thẳng	10
23	Kẹp cầm máu Kelly cong	10
24	Kẹp cầm máu Crile thẳng	6
25	Kẹp cầm máu Crile cong	6
26	Kẹp cầm máu dài	6
27	Kẹp cầm máu siêu nhỏ	4
28	Kẹp cầm máu dài (deep pelvic)	4
29	Kẹp kẹp dây chằng (Heaney)	2
30	Kẹp Babcock	6
31	Kẹp Allis	6
32	Banh Farabeuf	6
33	Banh Army-Navy	2
34	Banh Langenbeck	2
35	Banh Richardson	2
36	Banh Deaver	2
37	Banh malleable (ribbon)	2
38	Banh bàng quang (Doyen)	1
39	Banh tự giữ Balfour	1
40	Khung banh tự giữ (tùy chọn)	1
41	Móc da đơn	4
42	Móc da đôi	2
43	Cán kim Mayo-Hegar	2
44	Cán kim lớn	1
45	Cán kim nhỏ	1
46	Cán kim dài (needle holder – deep pelvic)	2
47	Ống hút Yankauer	1
48	Đầu hút Poole	1
49	Kẹp giữ dẫn lưu	1
50	Khay đựng dụng cụ	1
51	Kẹp khăn (Backhaus)	8

<b>STT</b>	<b>Tên chi tiết</b>	<b>Số lượng</b>
52	Kẹp gạc (Foerster)	4
53	Kẹp Kocher	4
54	Kẹp kẹp góc (Right angle)	4
55	Kẹp mạch tạm thời (Bulldog)	2
56	Kẹp kẹp mạch lớn (tùy chọn)	2
57	Kẹp gấp kim (needle forceps)	1
58	Kẹp kẹp chỉ (suture forceps)	1
59	Dụng cụ bóc tách đầu tù	2
60	Kẹp bóc tách có rãnh	1
61	Kẹp nâng niệu quản (tùy chọn)	1
62	Kẹp giữ da (skin clamp)	2
63	Kẹp kẹp mô không răng (atraumatic)	4
64	Kẹp tách mô dạng vòng	1
65	Kẹp kẹp mỏm cắt/đánh dấu bệnh phẩm	1
66	Kẹp góc / Right-angle dài (deep pelvic)	2
67	Kẹp ruột Doyen thẳng	2
68	Kẹp ruột Doyen cong	2
69	Kẹp ruột nghiền (crushing clamp)	2
70	Kẹp dạ dày (gastric clamp)	2
71	Kẹp đại tràng không nghiền	2
72	Thước đo ruột/đo đoạn cắt	1
73	Kẹp mạc treo ruột	2

## **21. Bộ dụng cụ phẫu thuật lồng ngực**

<b>STT</b>	<b>Tên chi tiết</b>	<b>Số lượng</b>
1	Dụng cụ bảo vệ dây thần kinh cong sang trái, 30cm	2
2	Ống hút lồng ngực dạng góc cạnh, có đầu rọ, 5mm x 43,8cm	2
3	Ống hút lồng ngực thẳng, có đầu dạng rỏ, 5mm x 43,8cm	2
4	Kẹp Sontec, Karl Storz, Kanger Instruments VATS Allis DeBakey, 70mm	2
5	Kẹp phẫu thuật nội soi lồng ngực Bulldog, có cần gạt	2
6	Kẹp DeBakey cong, bằng titan, dùng cho hệ thống VATS Classic	2
7	Kẹp phẫu tích VATS DeBakey Slider, cong, không có cơ cấu bánh cóc	2

STT	Tên chi tiết	Số lượng
8	Kẹp DeBakey-Satinsky VATS của có cơ cấu bánh cóc	2
9	Kẹp Foerster VATS của cong sang trái, có cơ cấu bánh cóc, 20mm	2
10	Kẹp Harken DeBakey VATS của loại cong toàn phần, không có cơ cấu bánh cóc	2
11	Kẹp Harken DeBakey VATS của loại cong chắc chắn, có cơ cấu bánh cóc	2
12	Kẹp kim Mayo VATS của loại thẳng, có cơ chế bánh cóc, 10mm x 33cm	2
13	Kéo VATS Metzenbaum Power Cut màu đen, lưỡi cong, 28,8cm	2
14	Kẹp trộn VATS DeBakey của góc 90°, không có cơ cấu bánh cóc, 20mm	2
15	Kẹp kim nhỏ VATS Ryder, thẳng, có cơ chế bánh cóc, 3mm x 28,6cm	2
16	Kẹp gấp phổi Singley-Tuttle dùng trong phẫu thuật nội soi lồng ngực (VATS) của có cơ chế bánh cóc	2
17	Dụng cụ đẩy nút thắt có rãnh, 5mm x 33cm	2
18	Móc mổ hình chữ L và ống thông Storz, 5mm x 36cm	2
19	Móc chữ L lưỡng cực chính xác AED, 33cm, 45cm	2
20	Kẹp Kelly chính xác AED 10mm	2

## 22. Bộ dụng cụ phẫu thuật mắt

STT	Tên chi tiết	Số lượng
1	Vành mi điều chỉnh được	01
2	Kéo đầu nhọn cong:	01
3	Pince có răng 1x2: 01	01
4	Kìm cặp kim Troutman	01
5	Kéo cắt đầu cùn cong	01
6	Kéo đầu nhọn cong	01
7	Kẹp khâu vết mổ có răng	01
8	Kẹp kết mạc	01

<b>STT</b>	<b>Tên chi tiết</b>	<b>Số lượng</b>
9	Kẹp mô thẳng	01
10	Vành mi tự động	01
11	Kéo cắt chỉ	01
12	Kéo kết mạc đầu cùn, lưỡi cong	01
13	Móc lác cỡ vừa	01
14	Pince có máu, đầu cùn, lưỡi cong	01
15	Kìm cặp kim có hàm cong	01
16	Pince vanas.	01
17	Kelly cong	01
18	Hộp đựng dụng cụ tiết trùng có miếng lót silicone	01
19	Kẹp giác mạc Barraquer – Colibri,	01

## PHỤ LỤC 2. MẪU BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT VÀ BÁO GIÁ<sup>(1)</sup>

(Kèm theo Thư mời quan tâm số ...../TM-BV ngày ...../...../..... của Bệnh viện Đa khoa Thái Bình)

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Thái Bình

Trên cơ sở Thư mời quan tâm của Bệnh viện đa khoa Thái Bình, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo thông số kỹ thuật và giá cho các vật tư, thiết bị y tế như sau:

### 1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

STT	Danh mục thiết bị y tế <sup>(2)</sup>	Tên thương mại	Đơn vị tính	Ký, mã, nhãn hiệu, model, <sup>(3)</sup>	Mã HS <sup>(4)</sup>	Hãng sản xuất	Năm sản xuất <sup>(5)</sup>	Nước sản xuất <sup>(6)</sup>	Phân loại TBYT	Quy cách đóng gói	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Số lượng <sup>(7)</sup>	Đơn giá <sup>(8)</sup> (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan <sup>(9)</sup> (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) <sup>(10)</sup> (VND)	Thành tiền <sup>(11)</sup> (VND)
1	Thiết bị A															
2	Thiết bị B															

STT	Danh mục thiết bị y tế <sup>(2)</sup>	Tên thương mại	Đơn vị tính	Ký, mã, nhãn hiệu, model, <sup>(3)</sup>	Mã HS <sup>(4)</sup>	Hãng sản xuất	Năm sản xuất <sup>(5)</sup>	Nước sản xuất <sup>(6)</sup>	Phân loại TBYT	Quy cách đóng gói	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Số lượng <sup>(7)</sup>	Đơn giá <sup>(8)</sup> (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan <sup>(9)</sup> (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) <sup>(10)</sup> (VND)	Thành tiền <sup>(11)</sup> (VND)
n	.....															

(Gửi kèm theo các tài liệu về cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng và các tài liệu liên quan của vật tư, thiết bị y tế)

Thời gian bảo hành (nếu có):

**2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng:** ..... ngày [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn ..... ngày], kể từ ngày ..... tháng ..... năm .....

**3. Chúng tôi cam kết:**

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;

- Cam kết về chất lượng của sản phẩm;

- Cam kết chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình; cam kết bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá, không nâng không giá;

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin trên.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp**

*(Ký, họ tên, chức vụ, đóng dấu (nếu có))*

**Ghi chú:**

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.*
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.*
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.*
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.*
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.*
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.*
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.*
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.*

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.